

Bản án số: 175/2023/DS-ST
Ngày: 11/9/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Lâm Sơn.
- Ông Võ Thanh Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 540/2023/QĐHPT ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1981; địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Lê Thị Thu N ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 4 năm 2023 được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang chứng thực.

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Ngọc T1, sinh năm 1994; địa chỉ: khóm T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thu N ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T trình bày, do chỗ quen biết với bà T1, cho nên vào ngày 05/4/2022 (al), bà N có cho bà T1 mượn tổng cộng số tiền 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu đồng) trong hai lần.

Lần thứ nhất mượn 80.000.000 đ (tám mươi triệu) đồng, lần thứ hai mượn 100.000.000 đ (một trăm triệu) đồng, mỗi lần nhận tiền các bên đều lập biên nhận. Biên nhận do bà T1 viết nội dung, ký tên và ghi họ, tên. Riêng phần ghi “người bảo lãnh” trong hai biên nhận ngày 05/5/2022, chỉ ghi nhưng không có người ký bảo lãnh. Việc vay bà T1 không thể chấp tài sản cho bà N. Bà T1 là người trực tiếp nhận tiền từ bà N. Việc vay giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời gian trong vòng 04 tháng sẽ trả lại. Đến hạn trả nợ, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N, nhưng bà T1 cố tình tránh né nên không liên lạc được. Vì vậy, bà Lê Thị Thu N yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả số tiền vay 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); biên nhận nợ (bản photo).

- Bà Phạm Thị Ngọc T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T1 vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 05/05/2022, bà Phạm Thị Ngọc T1 vay bà Lê Thị Thu N vay 02 lần, tổng số tiền là 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu) đồng, không thỏa thuận lãi suất, cam kết sẽ trả đủ số tiền trên khi bà N có nhu cầu sử dụng. Cụ thể, lần thứ nhất vay 80.000.000 đ (tám mươi triệu) đồng, lần thứ 2 vay 100.000.000 đ (một trăm triệu) đồng. Việc giao nhận tiền có làm biên nhận. Nhiều lần bà N yêu cầu bà T1 trả 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu) đồng nhưng bà T1 hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả tổng số tiền 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Phía bà **T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà **N** với bà **T1** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được thể hiện trên 02 biên nhận nợ cùng ngày 05/5/2022, thể hiện bà **T1** đã vay 02 lần, tổng số tiền là 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, khi bà **N** yêu cầu bà **T1** trả số tiền trên thì bà **T2** không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận, nên bà **N** khởi kiện, yêu cầu bà **T1** trả 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu) đồng, là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thu N**.
- Buộc bà **Phạm Thị Ngọc T1** trả bà **Lê Thị Thu N** số tiền 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà **Lê Thị Thu N** Hồ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà **Phạm Thị Ngọc T1** có nghĩa vụ trả số tiền vay trong hai biên nhận nợ bà **T1** nợ bà **N** là 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu đồng). Bà **Phạm Thị Ngọc T1** có nơi cư trú tại **khóm T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang**. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở bà **Phạm Thị Ngọc T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời khai và lời trình bày của bà **Nguyễn Thị T** là người đại diện ủy quyền cho bà **Lê Thị Thu N** tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình bà giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xác định vào ngày 05/5/2022, bà **N** có cho bà **T1** mượn tổng cộng số tiền 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu) đồng trong hai lần. Lần thứ nhất mượn 80.000.000 đ (tám mươi triệu) đồng, lần thứ hai mượn 100.000.000 đ (một trăm triệu) đồng, mỗi lần nhận tiền các bên đều lập biên nhận. Biên nhận do bà **T1** viết nội dung, ký tên và ghi họ, tên. Riêng phần ghi “người bảo lãnh” trong hai biên nhận ngày 05/5/2022, chỉ ghi nhưng không có người ký bảo lãnh. Việc vay bà **T1** không thể chấp tài sản cho bà **N**. Bà **T1** là người trực tiếp nhận tiền từ bà **N**. Việc vay giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời gian trong vòng 04 tháng sẽ trả lại. Đến hạn trả nợ, bà **T1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà **N**,

nhưng bà **T1** cố tình tránh né nên không liên lạc được. Vì vậy, bà **Lê Thị Thu N** yêu cầu bà **Phạm Thị Ngọc T1** có nghĩa vụ trả số tiền 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà **T1** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi bà **N** có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà **N**. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà **T1** vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày đề Hội đồng xét xử xem xét, **Nguyễn Thị T** là người đại diện ủy quyền cho bà **Lê Thị Thu N** xuất trình chứng cứ là biên nhận nợ giữa bà **N** với bà **T1**.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **N**, buộc bà **T1** có nghĩa vụ trả cho bà **N** số tiền vay 180.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:*

Bà **N** yêu cầu bà **T1** có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

Đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn: Từ khi vay đến nay bà **T1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền vay cho bà **N** là 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu đồng) cho bà **N**, mặc dù bà **N** có yêu cầu nhiều lần.

[5] *Về lãi suất:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bà **T** là người đại diện ủy quyền cho **N** không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **Phạm Thị Ngọc T1** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bà **Lê Thị Thu N** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thu N**.

Buộc bà **Phạm Thị Ngọc T1** có nghĩa vụ trả cho bà **Lê Thị Thu N** số tiền vay 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Phạm Thị Ngọc T1** phải chịu 9.000.000 đ (chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Lê Thị Thu N** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013521 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Nhân

Võ Lâm Sơn

Châu Vũ Sơn

